CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Xây dựng 1369

Ngày 30/09/2025	12,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	26.7%	**109.8**	**100.0**

DT thuần
Q3/25
172
tỷ VNĐ
QoQ: ▼77.0| -30.9%
YoY: ▼114| -39.8%

LN thuần
Q3/25
9.33
tỷ VNĐ
QoQ: ▼25.3| -73.0%
YoY: ▲ 5.98| 179%

LN sau thuế
Q3/25
7.29
tỷ VNĐ
QoQ: ▼20.4| -73.7%
YoY: ▲ 5.46| 298%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
7.0%
YoY: +/-▼ 8.3%

ROE (TTM)
Q3/25
4.5%
YoY: +/-▼ 0.0%

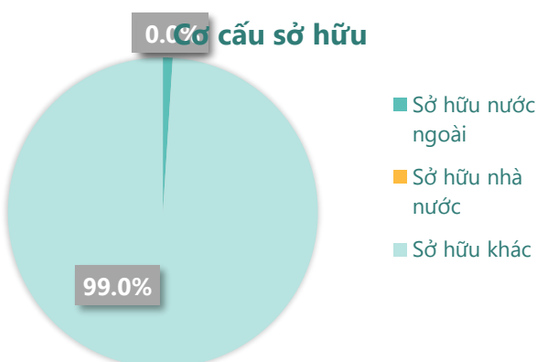
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	5,500 - 13,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	791
Số lượng CPLH (CP)	61,799,972
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,009,040
Sở hữu nước ngoài	1.0%
Beta	0.74
EPS	630
P/E	20.3

DT thuần
9T 2025
601
tỷ VNĐ
YoY: ▼86.0| -12.5%

LN thuần
9T 2025
49.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 32.4| 187%

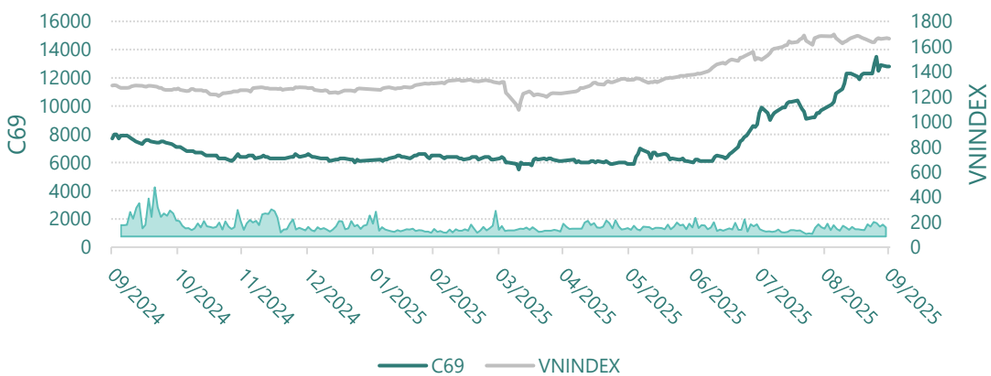
LN sau thuế
9T 2025
39.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 27.1| 224%

Cơ cấu sở hữu

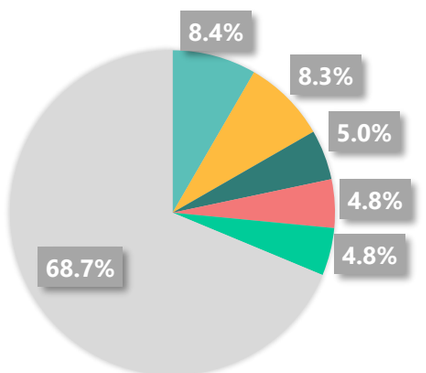


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

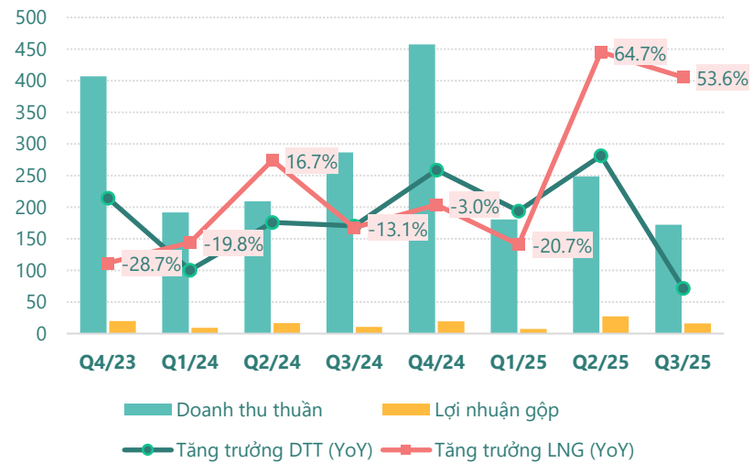




(Nguồn: fireant.vn)

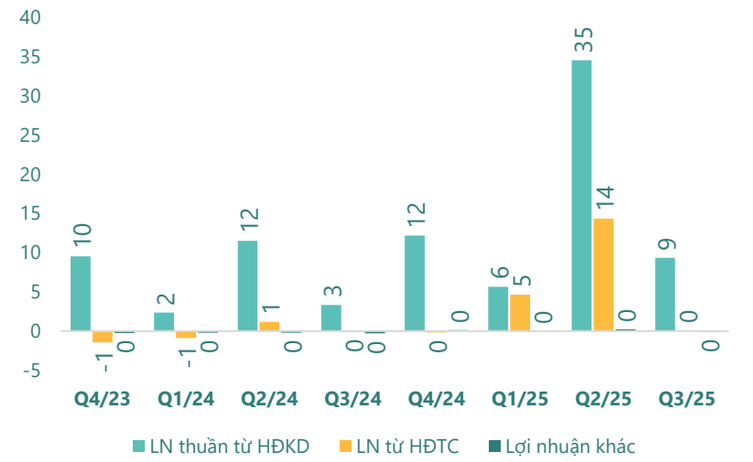
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



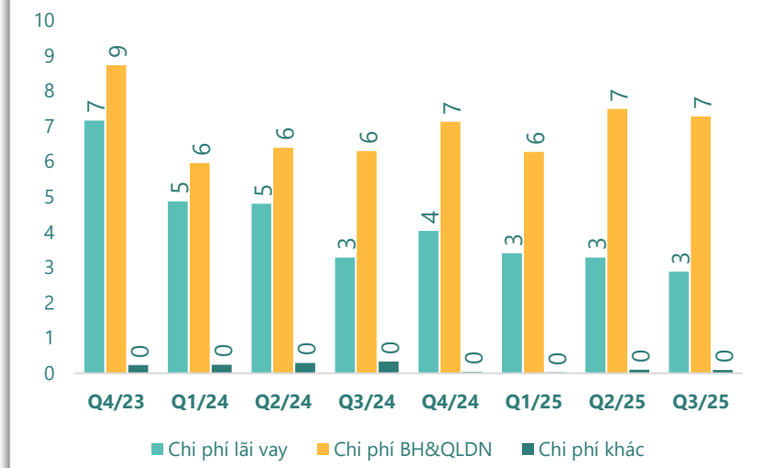
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



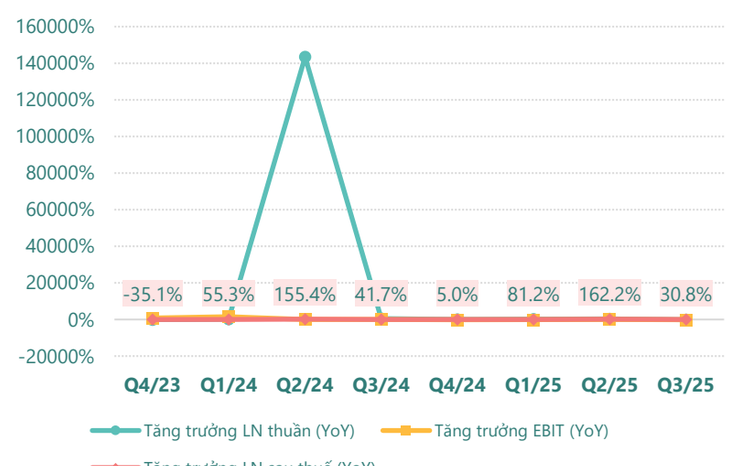
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



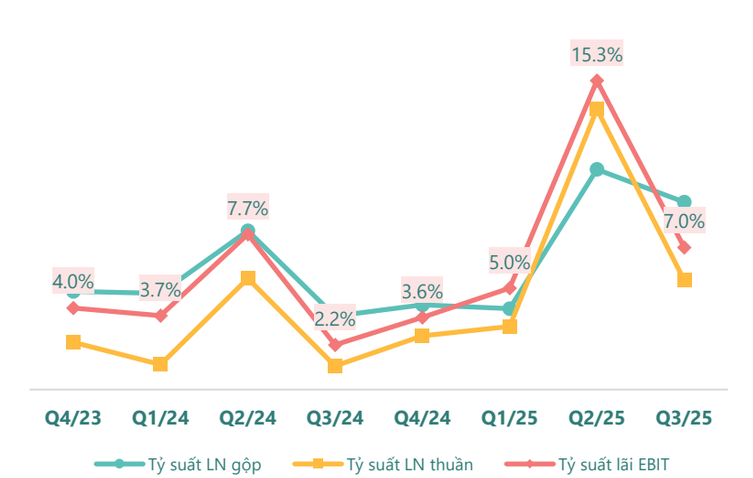
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



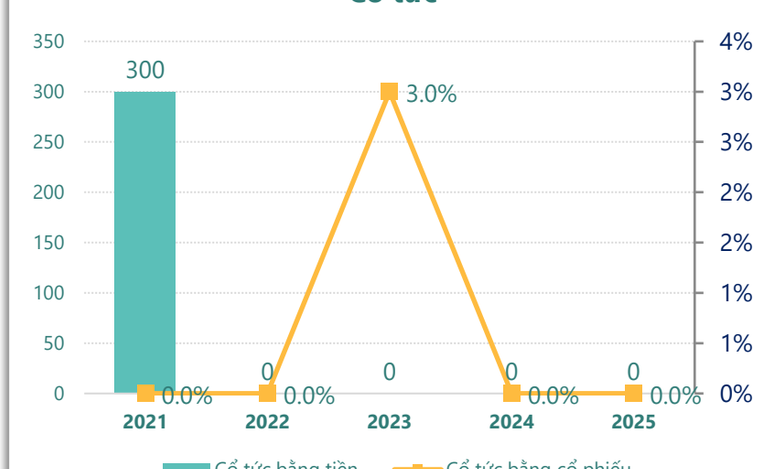
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

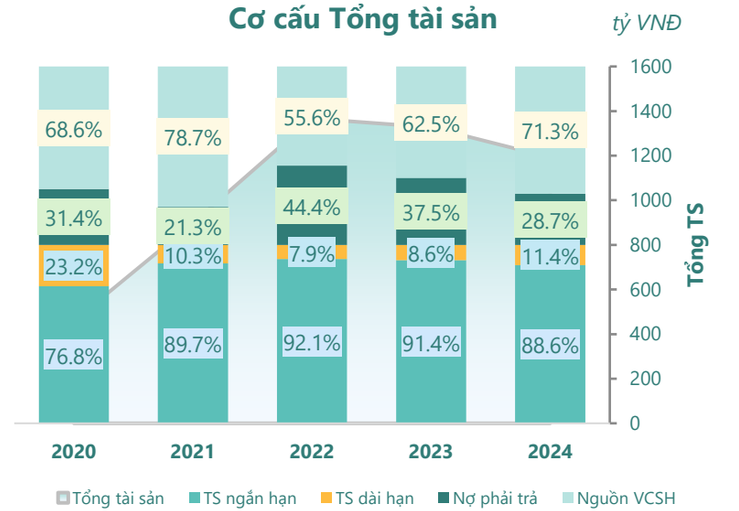
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

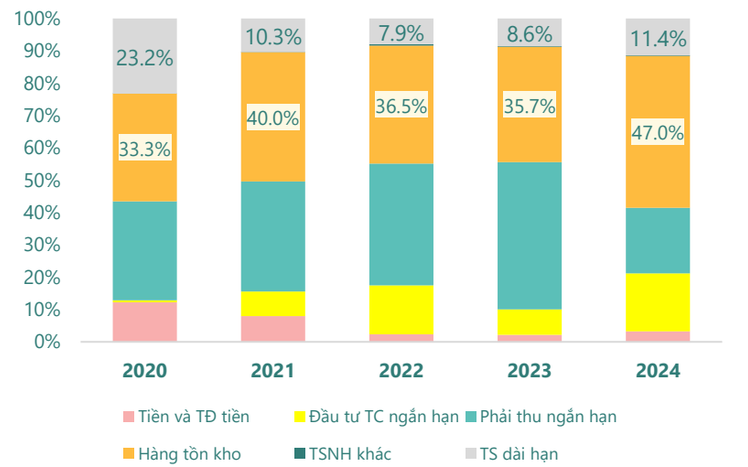
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



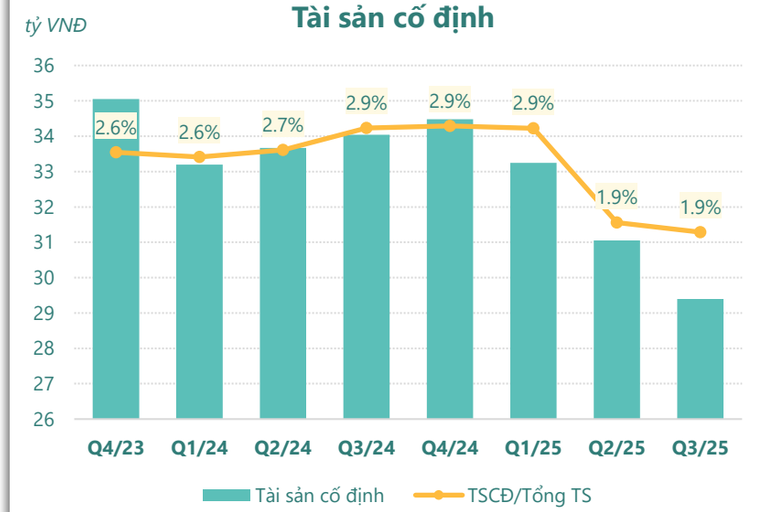
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



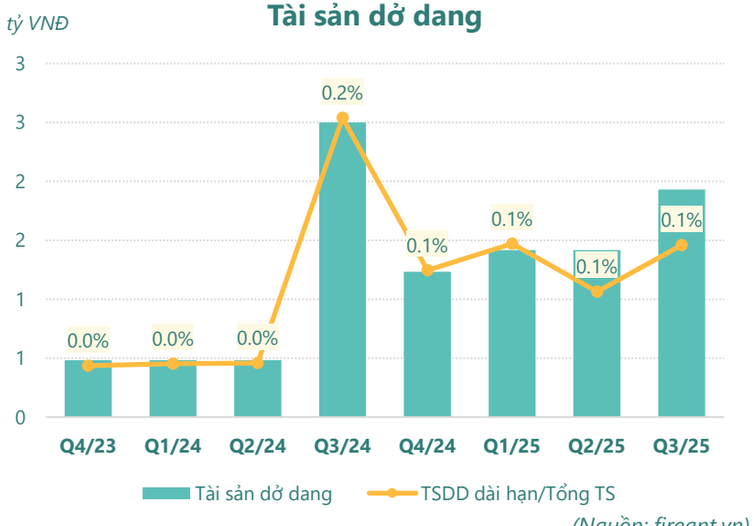
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



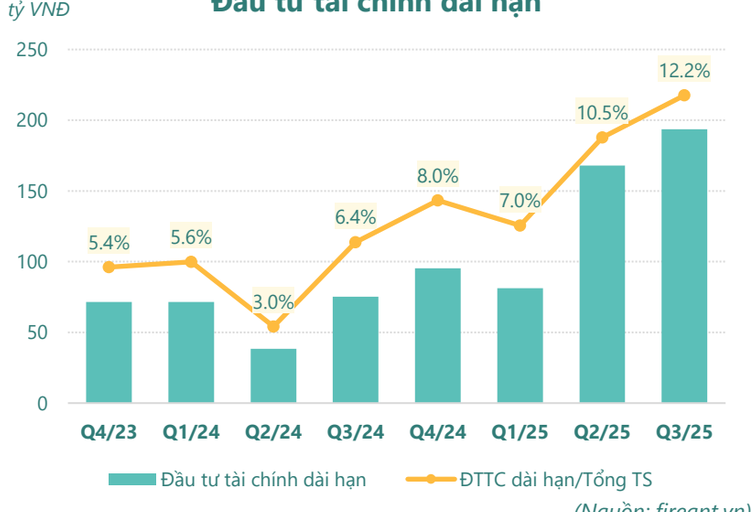
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



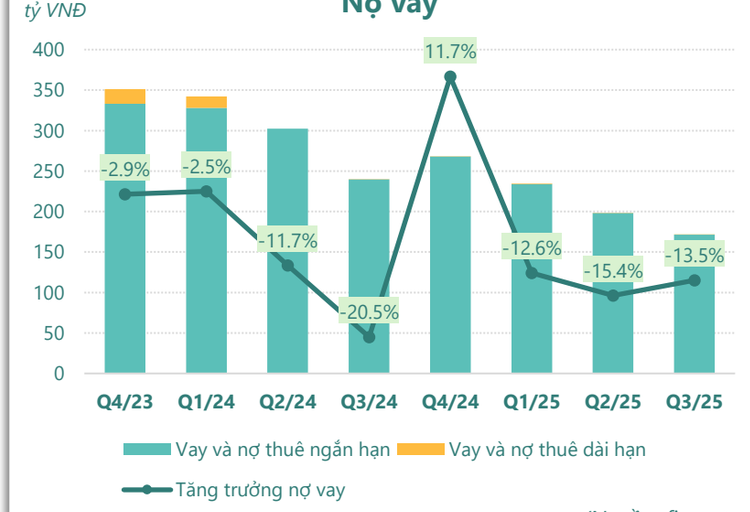
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

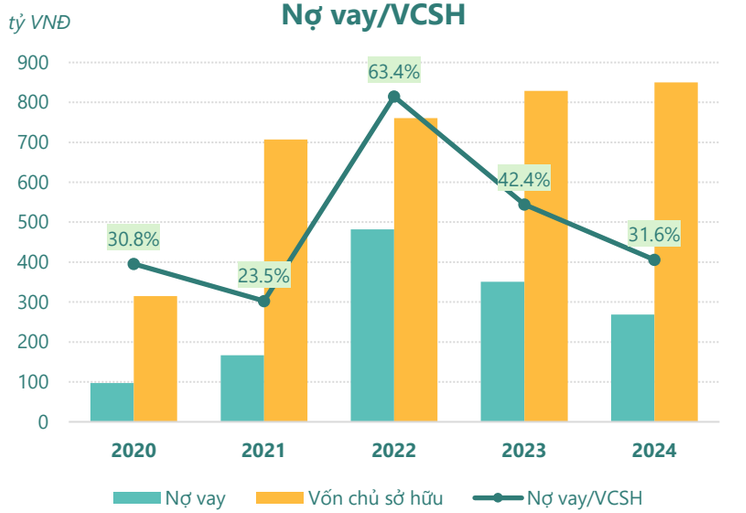
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

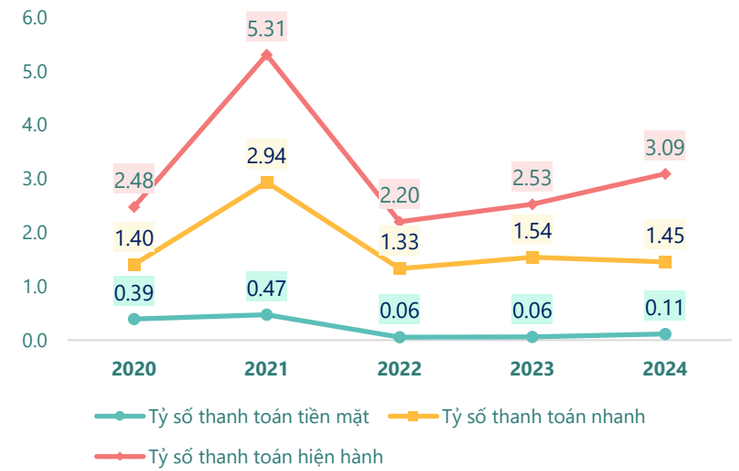
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



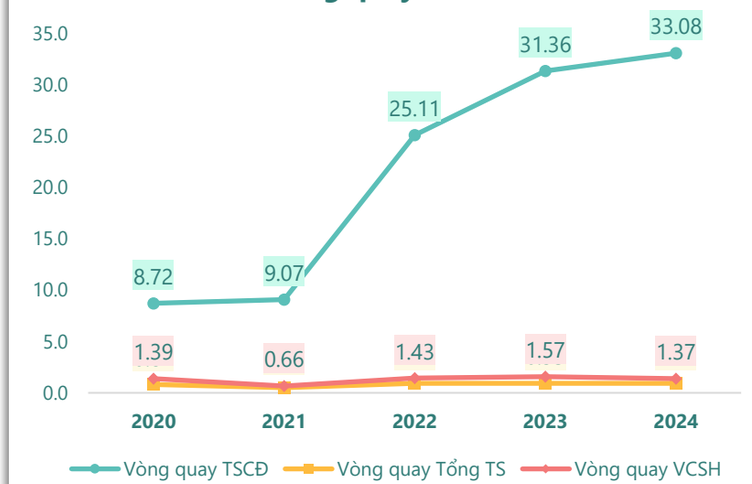
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



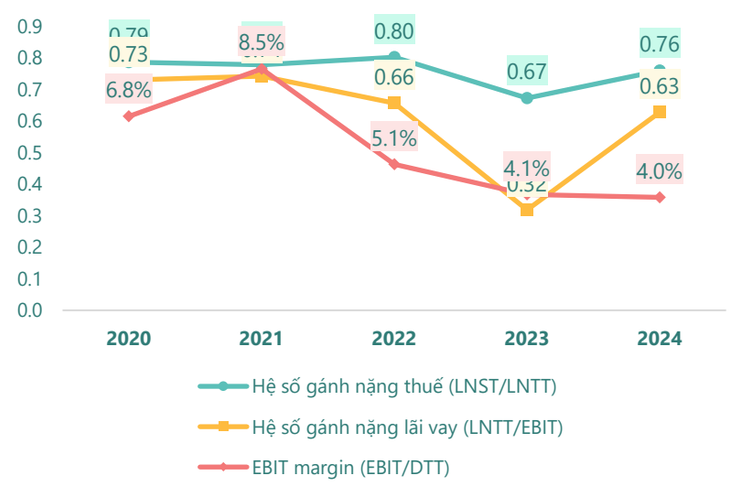
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



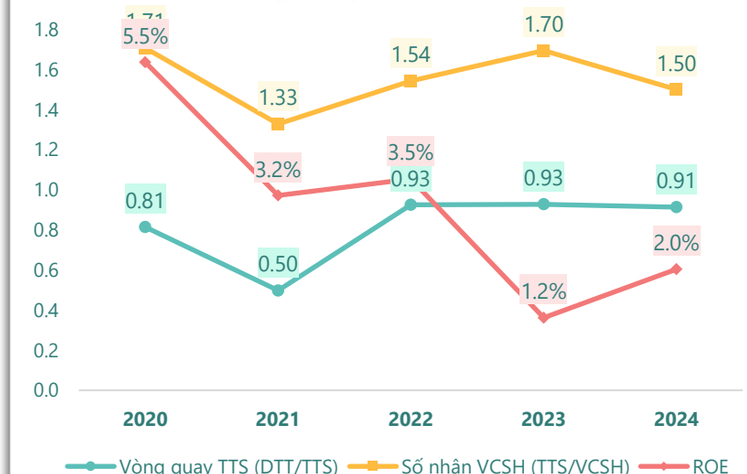
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



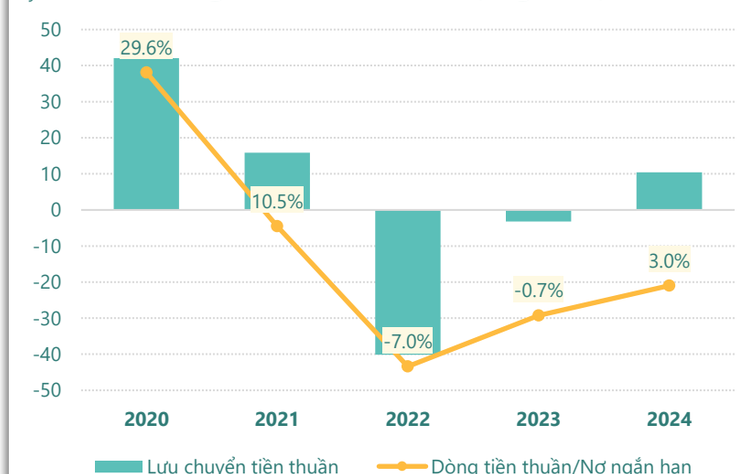
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**172**	**286**	**-39.8%**	**601**	**687**	**-12.5%**
Giá vốn hàng bán	156	276	-43.4%	551	651	-15.4%
Lợi nhuận gộp	16.0	10.4	54.0%	50.4	36.0	39.8%
Doanh thu HĐTC	3.21	3.49	-8.0%	29.2	13.8	112%
Chi phí TC	3.11	3.61	-13.8%	10.2	13.7	-25.5%
Chi phí lãi vay	2.88	3.28	-12.2%	9.56	13.0	-26.2%
LN trong công ty LKLD	**0.49**	**-0.66**	**175%**	**1.11**	**-0.31**	**461%**
Chi phí bán hàng	1.79	1.57	13.9%	5.47	4.92	11.2%
Chi phí QLDN	**5.49**	**4.73**	**16.1%**	**15.6**	**13.7**	**13.5%**
LN thuần từ HĐKD	9.33	3.35	179%	49.6	17.2	187%
Lợi nhuận khác	**-0.07**	**-0.27**	**72.6%**	**0.17**	**-0.70**	**124%**
LN trước thuế	9.26	3.08	201%	49.7	16.5	201%
Lợi nhuận sau thuế	**7.29**	**1.83**	**298%**	**39.2**	**12.1**	**224%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.98**	**1.08**	**-9.6%**	**32.0**	**9.89**	**224%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	20.7	156	32.8	-27.3	110	25.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	13.2	-77.5	-73.4	54.1	-32.5	-29.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-39.9	-62.0	28.0	-33.8	-36.0	-26.8
Tiền đầu kỳ	41.2	35.2	51.4	38.9	31.9	73.2
Lưu chuyển tiền thuần	**-5.99**	**16.2**	**-12.6**	**-6.99**	**41.3**	**-31.0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	35.2	51.4	38.9	31.9	73.2	42.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,589**	**1,192**	**33.4%**
Tài sản ngắn hạn	1,340	1,056	26.9%
Tiền và tương đương tiền	42.3	38.9	8.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	34.7	213	-83.7%
Phải thu ngắn hạn	295	242	22.2%
Hàng tồn kho	965	561	72.1%
Tài sản ngắn hạn khác	2.82	1.78	58.8%
Tài sản dài hạn	**249**	**135**	**84.0%**
Phải thu dài hạn	19.5	18.9	3.0%
Tài sản cố định	29.4	34.5	-14.7%
Bất động sản đầu tư	0.88	1.20	-27.3%
Tài sản dở dang	1.93	1.23	56.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	194	75.3	157%
Tài sản dài hạn khác	**1.22**	**1.25**	**-2.2%**
Lợi thế thương mại	2.76	3.07	-10.1%
Nợ phải trả	701	342	105%
Nợ ngắn hạn	**700**	**341**	**105%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	171	268	-36.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	62.9	45.3	38.9%
Nợ dài hạn	0.73	0.47	54.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.27	0.47	-42.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**888**	**850**	**4.5%**
Vốn chủ sở hữu	**888**	**850**	**4.5%**
Vốn điều lệ	618	618	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)